

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 03 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Phương

Ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2024/HNGĐ- ST, ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXX - HNGĐ, ngày 16/12/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 173/2024/TB-TA ngày 18/12/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Tô Thị O, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh - vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Vân A, sinh năm 1998; Địa chỉ: số E T, phường T, thành phố H - có mặt.

**2. Bị đơn:** anh Lê Văn D, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh - có mặt

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quốc K, chức vụ: Phó Giám đốc ngân hàng N chi nhánh huyện L – có mặt

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1941; Địa chỉ: xóm L, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn D là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2011 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau và cả hai không tìm được tiếng nói chung. Sau đó anh Lê Văn D sang Nhật Bản làm ăn, tình cảm vợ chồng lại càng thêm phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Tô Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Nhã Đ, sinh ngày 01/01/2013 và Lê Khả D1, sinh ngày 19/8/2016, hiện tại đang do chị Tô Thị O chăm sóc và chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Tô Thị O có đơn đề nghị không yêu cầu anh Lê Văn D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách huyện L số tiền nợ gốc 50.000.000đồng nhưng chị Tô Thị O đã tắt toán cho ngân hàng và nợ ngân hàng N1 - chi nhánh huyện L số tiền nợ gốc 200.000.000đồng. Chị Tô Thị O yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn D phải đưa lại cho chị số tiền 25.000.000đồng trong tổng số tiền chị đã tắt toán cho Ngân hàng chính sách huyện L; đối với số tiền nợ ngân hàng N1, chị O yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng.

*Tại bản tự khai ngày 24/5/2024 của anh Lê Văn D có xác nhận của Đ1 tại Nhật Bản (thời điểm anh D đang sinh sống tại Nhật bản) trình bày : Anh thống nhất với lời khai của chị Tô Thị O về thời gian, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng và về con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất với nhau về việc trả nợ cho ngân hàng và chị O để con ở nhà và đi Đài Loan nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau. Về tài sản chung anh Lê Văn D trình bày vợ chồng có 04 kiot buôn bán ở chợ nhưng chị O đã bán lại cho người khác. Về nợ chung vợ chồng có nợ ngân hàng chính sách huyện L số tiền nợ gốc 50.000.000đồng và ngân hàng N1 chi nhánh huyện L số tiền gốc 200.000.000đồng. Anh Lê Văn D đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.*

Tuy nhiên, hiện nay anh Lê Văn D đã về nước và tại phiên tòa, anh D trình bày: Về tình cảm anh thống nhất ly hôn với chị Tô Thị O; về con chung giao các con là Lê Nhã Đ và Lê Khả D1 cho chị Tô Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con ; về tài sản chung anh Lê

Văn D rút yêu cầu chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết ; về nợ chung, đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng chính sách huyện L hiện nay chị O đã tất toán nên anh sẽ đưa lại cho chị O  $\frac{1}{2}$  số tiền mà chị O đã trả tương ứng với số tiền 25.000.000đồng; đối với khoản nợ gốc 200.000.000đồng và lãi do chị O vay sau khi anh sang Nhật Bản nhưng anh Lê Văn D xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng và anh D đề nghị vợ chồng cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này cho ngân hàng để rút lại bìa đất mà bố mẹ anh D nộp và ngân hàng giữ khi cho chị O vay vốn tại ngân hàng.

*Tại bản tự khai ngày 27/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày:* Năm 2019, vợ chồng bà (Lê Thị H và Lê Văn Q nay ông Q đã chết) có đến ngân hàng N1 chi nhánh huyện L ký hồ sơ giao Giấy chứng nhận QSD đất số BU 968774 ngày 27/6/2024 của vợ chồng bà cho ngân hàng để chị Tô Thị O vay số tiền 200.000.000đồng vì thời điểm này anh Lê Văn D đang lao động ở Nhật Bản nên chị O ký thay cho anh D. Nay bà Lê Thị H yêu cầu vợ chồng anh D phải trả lại khoản nợ này cho ngân hàng để bà lấy lại bìa đất.

*Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án cùng như tại phiên tòa, ông Lê Quốc K người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng N chi nhánh huyện L trình bày:* ngày 19/7/2019, chị Tô Thị O (là người đại diện theo giấy ủy quyền ngày 19/7/2019 của ông Lê Văn Q và bà Lê Thị H) ký Hợp đồng tín dụng số 3712LAV201902083 với ngân hàng N - chi nhánh huyện L để vay số tiền 200.000.000đồng mục đích sửa chữa nhà ở. Tuy nhiên, đến nay chị O vẫn chưa trả nợ gốc 200.000.000đồng và lãi tính đến ngày 03/01/2025 là 114.714.658đồng. Vì vậy, ngân hàng yêu cầu chị Tô Thị O và người có liên quan là ông Q, bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị O.

- Về tình cảm: cho chị Tô Thị O được ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con chung: Giao con chung Lê Nhã Đ, sinh ngày 01/01/2013 và Lê Khả D2, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Tô Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê Văn D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Văn D.

- Về nợ chung:

+ Buộc anh Lê Văn D trả cho chị Tô Thị O số tiền 25.000.000 đồng (số tiền chị O đã trả cho Ngân hàng C)

+ Buộc anh Lê Văn D, chị Tô Thị O mỗi người phải trả cho ngân hàng N số tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là  $314.714.658\text{đồng}/2 = 157.357.329$  đồng.

- Về án phí:

- + Chị Tô Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.
- + Buộc chị Tô Thị O và anh Lê Văn D mỗi người phải chịu số tiền án phí trả nợ trên số tiền phải trả là 7.867.866 đồng/người.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

#### *1. Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Quá trình tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị O trình bày anh Lê Văn D lao động tại Nhật bản nhưng chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị Cục Q1 cung cấp thông tin xuất nhập cảnh về anh Lê Văn D. Tại công văn số của Cục Q1 - Bộ C xác nhận anh D đã xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh D đã về nước và trực tiếp viết bản tự khai, tham gia làm việc tại Tòa án.

#### *2. Về nội dung:*

[2.1] Về tình cảm: Chị Tô Thị O và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn với nhau, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng khác nhau về quan điểm, nhận thức nên thường xuyên xích mích, cãi vã nhau, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung. Năm 2019, anh D đi lao động tại Nhật Bản, do mâu thuẫn từ trước và khoảng cách về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi nhau để hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tô Thị O nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh Lê Văn D. Về phía bị đơn anh Lê Văn D, quá trình giải quyết vụ án anh D đã về Việt Nam, trực tiếp viết bản tự khai, tham gia các buổi hoà giải, anh trình bày về thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Lê Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh thống nhất ly hôn với chị Tô Thị O.

Xét thấy, thực tế tình cảm hôn nhân giữa chị Tô Thị O với anh Lê Văn D đến nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì cuộc sống chung vợ chồng là không có ý nghĩa, cả hai người đã cắt đứt liên lạc với nhau. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị O về việc xin ly hôn anh Lê Văn D là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu Lê Nhã Đ, sinh ngày 01/01/2013; cháu Lê Khả D2, sinh ngày 19/8/2016. Hiện tại hai cháu đang được chị Tô Thị O chăm sóc và chị đề nghị Tòa án giải quyết giao các con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Lê Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Lê Nhã Đ, Lê Khả D2 từ nhỏ đến lớn cháu ở với mẹ và các cháu đều có đơn trình bày nguyện vọng ở với mẹ. Bản thân anh D trước đây có nguyện vọng được nuôi con nhưng tại phiên tòa anh thay đổi nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho chị O. Như vậy, để đảm bảo phát triển thể chất, tinh thần các



con chung, cần giao cháu Lê Nhã Đ, sinh ngày 01/01/2013 và cháu Lê Khả D2, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Tô Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh Lê Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Văn D.

[2.4]. Về nợ chung: Vợ chồng thống nhất có hai khoản nợ chung gồm nợ ngân hàng N - chi nhánh L số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc và nợ ngân hàng chính sách huyện L số tiền gốc 50.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Đối với khoản nợ ngân hàng chính sách huyện L 50.000.000 đồng hiện nay chị O đã tất toán cho Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn D thống nhất đây là khoản nợ chung và anh đồng ý trả lại cho chị O  $\frac{1}{2}$  số tiền tương đương 25.000.000 đồng.

+ Đối với khoản vay ngân hàng N số tiền gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 03/01/2025 theo hợp đồng vay số 371LAV201902083 ngày 17/9/2019. Xét thấy anh Lê Văn D và chị Tô Thị O đều xác định đây là số tiền nợ chung của vợ chồng nên cần buộc chị O và anh D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng N. Cụ thể: số tiền anh D, chị O mỗi người phải trả cho Ngân hàng N là  $314.714.658 \text{ đồng} / 2 = 157.357.329 \text{ đồng} / \text{người}$ .

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 244, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 7 Nghị Quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình; Điều 25, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu miễn giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị O được ly hôn với anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nhã Đ, sinh ngày 01/01/2013 và Lê Khả D2, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Tô Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Văn D không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và anh có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Văn D.

4. Về nợ chung:

+ Buộc anh Lê Văn D phải trả cho ngân hàng N số tiền 157.357.329 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 03/01/2025 là 57.357.329 đồng.

+ Buộc chị Tô Thị O phải trả cho ngân hàng N số tiền 157.357.329 đồng, trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 03/01/2025 là 57.357.329 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

+ Buộc anh Lê Văn D phải đưa lại cho chị Tô Thị O số tiền 25.000.000 đồng là số tiền mà chị O đã trả cho Ngân hàng C chi nhánh huyện L.

### **5. Về án phí:**

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Tô Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000814 ngày 14/3/2024 của Cục thi hành án tỉnh Hà Tĩnh.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Tô Thị O và anh Lê Văn D mỗi người phải chịu 7.867.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hộ Độ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**

